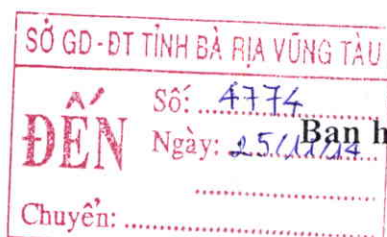


Số: 57.../2014/QĐ-UBND

Bà Rịa, ngày 20 tháng 11 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 08 năm 2014 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 05 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua,

khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số ~~559~~./TTr-SNV ngày ~~13~~./11/2014 V/v Ban hành Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau đây của UBND tỉnh: Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 V/v ban hành Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2012 V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; các thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Mau*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thi hành);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Ban Thi đua Khen thưởng TW;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Báo BR-VT; Đài PTTH tỉnh;
- Website Chính phủ; Website tỉnh BR-VT;
- Website HĐ TĐKT tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *ganh*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trình

QUY CHẾ

Về quản lý công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; các danh hiệu, đối tượng thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và tỷ lệ xét thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn và tỷ lệ xét khen thưởng; thẩm quyền quyết định, đề nghị, xét duyệt, trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quy trình, phương pháp bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng, hiện vật khen thưởng và quản lý hồ sơ khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng; nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp.

Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không được quy định trong văn bản này thì được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng với các tổ chức, cá nhân sau:

1. Các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.
2. Các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
3. Các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh.
4. Cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có tham gia đăng ký thi đua với tỉnh.
5. Công dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

6. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam đang sinh sống, làm việc và học tập ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua:

- a) Phong trào thi đua;
- b) Đăng ký tham gia thi đua;
- b) Thành tích đạt được trong phong trào thi đua;
- c) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng, căn cứ xét khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
- b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;
- c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
- d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Người đứng đầu tập thể chỉ được khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng khi tập thể được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (trừ khen thưởng đột xuất);

e) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 3 năm so với quy định chung. Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng;

g) Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước;

h) Những tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước phải thật sự tiêu biểu, là tấm gương cho các tập thể, cá nhân khác học tập noi theo;

i) Đối với cá nhân, trong 01 năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp nhà nước hoặc danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, một hình thức khen thưởng cấp tỉnh hoặc danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” cho 01 đối tượng, trừ trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất;

k) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác; khen thưởng gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Căn cứ xét khen thưởng:

a) Tiêu chuẩn khen thưởng;

b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích.

c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 5. Trách nhiệm, quyền hạn tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức phát động, nhân rộng phong trào thi đua; chủ động phát hiện, đánh giá, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phạm vi quản lý để khen thưởng, hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật; đồng thời chú trọng đến công tác phổ biến, tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, về các phong

trào thi đua yêu nước. Phát hiện, phản ánh các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, những mô hình mới, cách làm hay, gương người tốt việc tốt để phổ biến, nhân rộng, cô vũ phong trào thi đua yêu nước của tỉnh; đồng thời đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA; DANH HIỆU, ĐỐI TƯỢNG THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng của thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị; Trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Tùy theo mục tiêu và phạm vi thi đua, thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) có thể tổ chức với quy mô rộng lớn trong nhiều ngành, địa phương, không bó hẹp trong một cơ quan, tổ chức, đơn vị. Mốc thời gian phát động thi đua quy định là hàng năm, 03 năm, 05 năm, 10 năm... Khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả tỉnh, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức phong trào thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, chú trọng tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm tốt trong các đối tượng tham gia thi đua.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua. Đối với chuyên đề thi đua từ 01 năm trở lên thì kết thúc hàng năm không tổ chức tổng kết, chỉ sơ kết giữa giai đoạn và tổng kết khi kết thúc chuyên đề và xét chọn tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc để đề nghị khen thưởng. Những phong trào thi đua theo đợt, ngắn hạn có thời gian thực hiện từ 01 năm trở xuống thì không sơ kết mà tiến hành tổng kết ngay sau khi kết thúc phong trào.

Điều 8. Yêu cầu tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện, hướng về cơ sở và người lao động trực tiếp.

2. Phong trào thi đua phải bám sát nhiệm vụ chính trị của cơ quan, tổ chức, đơn vị; mục tiêu, phạm vi, nội dung và biện pháp thi đua phải phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cũng như khả năng tham gia của quần chúng, người lao động.

3. Trong quá trình triển khai phong trào thi đua, cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện phong trào thi đua của các tập thể, cá nhân trực thuộc.

4. Chú trọng xây dựng, bồi dưỡng, phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ TỶ LỆ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Danh hiệu thi đua

Danh hiệu thi đua, gồm:

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể: danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”; danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”;

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình, ấp, thôn, khu phố: danh hiệu “Gia đình văn hóa”; danh hiệu “Ấp (thôn, khu phố) văn hóa”.

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm của cơ quan, đơn vị cho cá nhân cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh;
- đ) Đối với cá nhân là Đảng viên phải được phân loại Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Đối với công nhân, nông dân, người lao động phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;
- b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Các trường hợp khác được xét công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”:

- a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

c) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

d) Đối với các trường hợp chuyển công tác, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu thi đua (trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ). Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu thi đua do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét, quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

Điều 11. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm của cơ quan, đơn vị cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Việc xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu của cá nhân do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở quyết định. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

Điều 12. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân có tác dụng ảnh hưởng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Việc xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu của cá nhân, làm căn cứ phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Việc thành lập Hội đồng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 13. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 2 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, trong đó 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Việc xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng của thành tích, sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu của cá nhân, làm căn cứ phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai.

Điều 14. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các Điểm a, b và d Khoản 1 Điều này có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

Điều 15. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên (đối với đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức) hoặc hình thức “chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa 6 tháng” trở lên (đối với đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Luật Lao động);

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các Điểm a, b, d và đ Khoản 1 Điều này có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

3. Đối tượng xét tặng:

a) Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương: xét tặng cho các phòng, ban và tương đương, cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

b) Đối với các huyện, thành phố: xét tặng cho các phòng, ban và tương đương; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; các ban của Đảng, Mặt trận, Đoàn thể và cấp tương đương của huyện; tập thể cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn.

c) Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh, hợp tác xã, ... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc trực tiếp như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

d) Đối với lực lượng vũ trang: do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.

4. Đối với những tập thể không thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” (như các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thành

phổ): khi xem xét đề nghị tặng thưởng Huân chương và “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc để xem xét khen thưởng, cụ thể là: trong khoảng thời gian xét khen thưởng, hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 16. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho các tập thể sau:

1. Các tập thể tiêu biểu xuất sắc được bình xét, đánh giá theo các cụm, khối thi đua do UBND tỉnh thành lập đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp ngành, địa phương;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong tỉnh hoặc ngành, địa phương học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Các tập thể tiêu biểu trong các phong trào thi đua chuyên đề do Chủ tịch UBND tỉnh phát động được đánh giá sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên (có quy định riêng đối với từng phong trào cụ thể).

Điều 17. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ Thi đua của Chính phủ”

1. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ Thi đua của Chính phủ” thực hiện theo Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP).

2. Trong số những tập thể được đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh xét chọn ra những đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”. Số lượng tập thể đề nghị tặng “Cờ Thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh”.

Điều 18. Tiêu chuẩn danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Áp, thôn, khu phố văn hóa”

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Điều 8 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ và hướng dẫn của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

Điều 19. Tỷ lệ xét danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”: không quy định tỷ lệ khen thưởng, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn

thành nhiệm vụ và khả năng quỹ thi đua khen thưởng được trích lập để xét tặng danh hiệu này trong đơn vị sao cho phù hợp.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: chọn không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể, huyện, thành phố, doanh nghiệp chọn và đề nghị không quá 20% trong tổng số cá nhân đủ tiêu chuẩn của toàn ngành, địa phương, doanh nghiệp. Đối với các đơn vị không đủ số lượng để chọn theo tỷ lệ, thì được chọn tối đa 01 cá nhân nhưng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định.

4. Danh hiệu “Cờ Thi đua của UBND tỉnh”: Có quy định riêng.

5. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”: chọn không quá 80% trong tổng số tập thể thuộc đơn vị.

6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”: chọn và đề nghị không quá 30% trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” nêu tại Khoản 3 Điều 15 của Quy chế này.

Khi tính tỷ lệ, nếu số dư quá bán thì được đề nghị thêm 01.

Chương III

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ TỶ LỆ XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 20. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện đợt thi đua, chương trình hoặc một chuyên đề công tác, kết thúc nhiệm vụ trọng tâm do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

Khen thưởng thành tích đột xuất chủ yếu thực hiện ở sở, ngành tỉnh, địa phương, cơ quan đơn vị. Trường hợp lập thành tích đặc biệt xuất sắc, phạm vi ảnh

hưởng đối với toàn tỉnh, cả nước thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ xem xét khen thưởng.

Cùng một thành tích đột xuất nếu khen thưởng cho tập thể thì không khen thưởng cho cá nhân và ngược lại.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 21. Hình thức khen thưởng

Hình thức khen thưởng, gồm:

1. Cấp Nhà nước:

a) Huân chương: "Huân chương Sao vàng"; "Huân chương Hồ Chí Minh"; "Huân chương Độc lập" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huân chương Quân công" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huân chương Lao động" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huân chương Chiến công" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huân chương Đại đoàn kết dân tộc"; "Huân chương Dũng cảm"; "Huân chương Hữu nghị".

b) Huy chương: "Huy chương Quân kỳ quyết thắng"; "Huy chương Vì an ninh Tổ quốc"; "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huy chương Hữu nghị".

c) Danh hiệu vinh dự nhà nước: "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"; "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân"; "Anh hùng Lao động"; "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú"; "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú"; "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú"; "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

d) "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng nhà nước".

đ) "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ".

2. Cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương:

a) Bằng khen.

c) Kỷ niệm chương (đối với Bộ, ban, ngành đoàn thể trung ương).

d) Huy hiệu (đối với tỉnh).

3. Cấp cơ sở: Giấy khen.

Điều 22. Đối tượng, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và 2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP) và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BNV).

Điều 23. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”

1. Tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các cuộc vận động, phong trào thi đua (theo chuyên đề hoặc theo đợt) do UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh phát động hàng năm trên phạm vi toàn tỉnh.

Khi xét khen thưởng, chủ yếu khen cho các tập thể nhỏ và cá nhân người lao động, công tác trực tiếp thực hiện chuyên đề. Đối với cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp tham gia Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức không xét khen thưởng chuyên đề mà thành tích kiêm nhiệm được tính chung vào nhiệm vụ chính để tham gia xét thi đua cuối năm.

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh; đối với công nhân, nông dân, người lao động có nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

c) Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các cuộc vận động, phong trào thi đua (theo chuyên đề hoặc theo đợt) do UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh phát động hàng năm trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh.

c) Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp bằng công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên (được tính cộng dồn đóng góp nhiều lần trong 01 năm).

4. Tặng cho các hội là tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 7 Điều 26 của Quy chế này xét, đề nghị khen thưởng.

5. Tặng cho tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi quốc tế; đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia và giải nhất cấp tỉnh.

6. Tặng cho tập thể, cá nhân ngoài tỉnh và nước ngoài có công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 24. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng Giấy khen

1. Tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Mức đóng góp cụ thể do Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.

4. Tặng cho tập thể, cá nhân ngoài ngành, địa phương, đơn vị có công lao đóng góp cho ngành, địa phương, đơn vị.

Điều 25. Tỷ lệ xét khen thưởng

1. “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”:

a) Đối với các cuộc vận động, phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Quy chế này, số lượng đề nghị UBND tỉnh khen thưởng không được vượt quá quy định sau (trừ một số chuyên đề có văn bản quy định riêng của UBND tỉnh):

Những chuyên đề từ 05 năm trở lên: 15 tập thể và 30 cá nhân.

Những chuyên đề từ 3 năm đến dưới 5 năm: 10 tập thể và 20 cá nhân.

Những chuyên đề từ 1 năm đến dưới 3 năm: 5 tập thể và 10 cá nhân.

Những chuyên đề dưới 01 năm: 3 tập thể và 6 cá nhân.

Trong một năm chỉ đề nghị khen thưởng chuyên đề (hoặc theo đợt) không quá 02 lần đối với tập thể và 01 lần đối với cá nhân. Cá nhân đề nghị khen thưởng phải có 1/2 thời gian tham gia chuyên đề trở lên.

b) Đối với các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội do Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức (như đại hội, lễ hội, hội thi, khai hội, hội thao, diễn đàn...); kỷ niệm ngày truyền thống đơn vị từ 10 năm, 20 năm, 30 năm...; các kỳ đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: Số lượng đề nghị UBND tỉnh khen thưởng không vượt quá 5 tập thể và 10 cá nhân.

Cá nhân đề nghị khen thưởng nhân kỷ niệm ngày truyền thống của đơn vị phải có nhiều đóng góp tại đơn vị từ 2/3 thời gian trở lên và không vi phạm bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

Cá nhân đề nghị khen thưởng trong các kỳ đại hội, kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân phải hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong suốt nhiệm kỳ trước và thời không tham gia nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới, không vi phạm bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

c) Đối với sơ kết, tổng kết việc triển khai luật, pháp lệnh, nghị định, đề án với thời gian thực hiện từ 5 năm trở lên (dưới 5 năm không khen thưởng): Số lượng đề nghị UBND tỉnh khen thưởng không vượt quá 5 tập thể và 10 cá nhân. Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có thành tích tiêu biểu trong quá trình triển khai thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, đề án. Không trình khen thưởng cấp Nhà nước (trừ trường hợp có quy định riêng của Trung ương).

d) Đối với khen thưởng thường xuyên quy định tại Điểm c Khoản 1 và Điểm c Khoản 2 Điều 23 của Quy chế này: Số lượng đề nghị không quá 50% trong tổng số tập thể, cá nhân đủ điều kiện theo quy định.

2. Giấy khen:

a) Đối với các cuộc vận động, phong trào thi đua do sở, ban, ngành, đoàn thể tổ chức trên phạm vi toàn tỉnh (kinh phí khen thưởng được UBND tỉnh cấp), số lượng khen thưởng như sau:

- Những chuyên đề từ 05 năm trở lên: 10 tập thể và 20 cá nhân.
- Những chuyên đề từ 3 năm đến dưới 5 năm: 7 tập thể và 15 cá nhân.
- Những chuyên đề từ 1 năm đến dưới 3 năm: 5 tập thể và 10 cá nhân.
- Những chuyên đề dưới 1 năm: 3 tập thể và 6 cá nhân.

b) Đối với các cuộc vận động, phong trào thi đua do sở, ban, ngành, đoàn thể tổ chức trong nội bộ ngành: Số lượng cụ thể do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, ĐỀ NGHỊ, XÉT DUYỆT, TRAO TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 26. Thẩm quyền quyết định, đề nghị các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”;

b) Xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước (sau đây gọi chung là khen thưởng cấp Nhà nước);

c) Hiệp y khen thưởng và xét tặng Bằng khen cho tối đa 03 tập thể, 05 cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong năm ở các cơ quan, doanh nghiệp thuộc ngành dọc (do các bộ, ngành trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty quản lý về biên chế, tổ chức).

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước;

c) Đối với các ngành : Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh, việc xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen; công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Áp, thôn, khu phố văn hoá;

b) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hóa”;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

5. Chủ nhiệm hợp tác xã trực tiếp quản lý lao động làm việc tại các cơ sở hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại:

a) Quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi đơn vị có trụ sở làm việc) xét, quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

6. Giám đốc các doanh nghiệp:

a) Đối với doanh nghiệp nằm trong khối thi đua của tỉnh:

Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

b) Đối với doanh nghiệp có trụ sở đóng trong các khu công nghiệp:

Trưởng ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

c) Đối với các doanh nghiệp khác:

Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi doanh nghiệp có trụ sở làm việc) công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, trong trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền thì giám đốc doanh nghiệp quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

7. Đối với các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh:

a) Chủ tịch các hội có tổ chức Đảng, Đoàn hoặc tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối Cơ quan tỉnh:

- Quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

b) Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh:

- Quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các tập thể, cá nhân thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh và các hội thành viên do Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh quyết định thành lập.

- Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước cho các tập thể, cá nhân thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh và các hội thành viên do Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh quyết định thành lập.

c) Chủ tịch các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác:

- Quyết định tặng giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

- Các hội thuộc lĩnh vực nào thì Chủ tịch hội đề nghị Thủ trưởng sở, ban, ngành quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực đó: công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 27. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với các trường hợp sau:

a) Cán bộ, công chức lãnh đạo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

b) Các hình thức khen thưởng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương độc lập” các hạng, danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, danh hiệu “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, tổng hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng. Riêng đối với danh hiệu “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Ban Thi đua – Khen thưởng thông qua Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh trước khi báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Hội đồng thi đua khen thưởng các sở, ban, ngành, địa phương chịu trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 28. Hiệp y khen thưởng

“Hiệp y khen thưởng” là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm đề nghị hiệp y của các cơ quan liên quan (Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh...). Khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp y, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời. Sau 07 ngày làm việc nếu không có ý kiến trả lời, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định.

Điều 29. Quy định về tuyên trình khen

1. Cơ quan nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương, cơ quan đó sẽ xét, công nhận các danh hiệu thi đua và quyết định khen thưởng, trao thưởng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền; có trách nhiệm trình cấp trên xét, công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

2. Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân tỉnh do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

4. Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

5. Đối với tổ chức công đoàn: Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng và xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên

đoàn Lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị trên.

6. Đối với các doanh nghiệp:

a) Các doanh nghiệp nằm trong khối thi đua thuộc tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Các doanh nghiệp khác có trụ sở đóng trên địa bàn huyện, thành phố nào thì địa phương đó có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

c) Các doanh nghiệp có trụ sở chính đóng trong các khu công nghiệp thì do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

7. Đối với các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh:

a) Các hội có tổ chức Đảng, Đoàn hoặc tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối Cơ quan: trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Các hội là thành viên của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh: Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh có trách nhiệm xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

c) Các hội nghề nghiệp khác thuộc lĩnh vực nào thì Sở quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực đó có trách nhiệm xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

8. Đối với các phong trào thi đua theo chuyên đề do sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh phát động, khi tổ chức sơ kết, tổng kết, sở, ban, ngành, đoàn thể chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng hướng dẫn tiêu chí, tiêu chuẩn cho đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được tập thể Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức thực hiện chuyên đề đó xét chọn và đề nghị.

9. Việc khen thưởng cho người Việt Nam định cư, làm việc, học tập ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài thực hiện như sau: Ngành tỉnh, cơ quan nào trực tiếp làm việc với tổ chức, cá nhân nêu trên lập thủ tục hồ sơ khen thưởng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

Điều 30. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Tổ chức trao tặng:

a) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen cấp Nhà nước: Khi có quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ thì các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương có tập thể, cá nhân được khen thưởng phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng) để có kế hoạch hướng dẫn tổ chức trao thưởng.

b) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức trao trong hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề hay tổng kết năm.

2. Nghi thức trao tặng và tổ chức đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo các điều khoản quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài. Yêu cầu buổi lễ phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

Chương V

QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP BÌNH XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 31. Quy trình bình xét

Việc bình xét thực hiện theo các bước sau :

Bước 1: Cá nhân, tập thể làm bản báo cáo thành tích.

Bước 2: Cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá, bình xét theo trình tự sau:

- Bình chọn cá nhân trước, tập thể sau;
- Danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau;
- Hình thức thấp, mức khen thấp tiến hành trước; hình thức cao, mức khen cao tiến hành sau.

Điều 32. Phương pháp bình xét

1. Việc bình xét được thực hiện bằng hình thức giơ tay biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Riêng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp toàn quốc”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, khi bình xét bắt buộc phải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Cá nhân, tập thể được chọn đề nghị khen thưởng phải có ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản). Riêng đối với các danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn

quốc” và danh hiệu vinh dự nhà nước phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản). Việc bình xét phải được ghi thành biên bản.

3. Trong xét khen thưởng tổng kết năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét như sau:

Nhóm 1: Cán bộ, công chức viên chức giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt của cơ quan, đơn vị, địa phương (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương).

Nhóm 2: Công chức viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương.

Nhóm 3: Công chức viên chức không giữ chức vụ (chuyên viên, cán sự, nhân viên, công nhân, người lao động).

Tỷ lệ khen thưởng giữa các nhóm phải đảm bảo: nhóm 1 chiếm không quá 30%, nhóm 2 chiếm không quá 30% và nhóm 3 chiếm không quá 40% trong tổng số cá nhân được tặng thưởng và đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng ở cơ sở và cấp tỉnh.

4. Các trường hợp không xét khen thưởng:

a) Đối với tập thể:

- Không đăng ký thi đua;
- Đảng bộ, chi bộ, công đoàn cơ sở, tổ công đoàn đạt loại yếu kém;
- Để xảy ra điểm nóng ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội;
- Để xảy ra lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước;
- Có công chức, viên chức, người lao động sinh con thứ ba trở lên, trừ 07 trường hợp sinh con thứ ba được quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về việc hướng dẫn, bổ sung Pháp lệnh Dân số (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2010/NĐ-CP);
- Vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở; nội bộ mất đoàn kết (căn cứ kết luận của cơ quan có thẩm quyền).
- Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- Chưa xét thi đua đối với những đơn vị có dấu hiệu sai phạm đang chờ cơ quan có thẩm quyền kết luận.

b) Đối với cá nhân:

- Không đăng ký thi đua; làm việc theo chế độ hợp đồng ngắn hạn dưới 01 năm; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên (trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản; nghỉ để điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế do bị thương tích trong lúc cứu người, cứu tài sản, trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu);

- Vi phạm kỷ luật dưới mọi hình thức; hoặc có thư phản ánh của địa phương nơi cư trú về việc không chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước hoặc các vi phạm khác (nếu nội dung phản ánh được xác minh là đúng);

- Sinh con thứ ba trở lên, và không xét thi đua 03 năm liên tục tính từ năm sinh con thứ ba trở lên, trừ 07 trường hợp sinh con thứ ba được quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP;

- Gây tai nạn giao thông lỗi thuộc về cán bộ, công chức, viên chức; để lộ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian, báo cáo thành tích không thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định.

Chương VI

THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG, HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 33. Thời gian đề nghị khen thưởng

1. Thời gian đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng:

a) Khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng theo đợt, chuyên đề:

Thời gian đề nghị khen thưởng trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc, trường hợp khen đột xuất trước 03 ngày làm việc.

b) Khen thưởng tổng kết năm:

- Thời gian đề nghị khen thưởng trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, thời gian đề nghị khen thưởng tổng kết năm học trước ngày 15 tháng 06 hàng năm.

2. Thời gian đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, theo các đợt sau đây:

- Đợt 1: trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

- Đợt 2: trước ngày 30 tháng 3 hàng năm, đề nghị tặng thưởng Huân chương các hạng, “Băng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

- Đợt 3 : trước ngày 15 tháng 6 hàng năm, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

- Đợt 4: trước ngày 01 tháng 8 hàng năm, đề nghị tặng thưởng Huân chương các hạng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” được tổ chức xét 05 năm một lần vào dịp Đại hội thi đua yêu nước các cấp, trừ những trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

Ngoài các đợt trên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xét, đề nghị khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác.

Điều 34. Thông báo kết quả khen thưởng

1. Các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn khen thưởng hoặc đã được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng (trừ khen thưởng đột xuất), trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ phải thông báo cho đơn vị trình khen biết.

2. Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền thông báo), cơ quan thẩm định phải thông báo cho cơ quan, đơn vị trình khen biết. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, cơ quan thẩm định thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 35. Hiện vật khen thưởng

1. Hiện vật khen thưởng là sản phẩm đặc biệt, được Nhà nước bảo hộ để tặng cho tập thể, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân khi được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

2. Hiện vật khen thưởng gồm: Huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; bằng, cờ, khung và hộp của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua.

3. Mẫu hiện vật khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ Quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

Điều 36. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận khen thưởng khi các đối tượng có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 37. Nguồn hình thành và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 05 năm 2011 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 71/2011/TT-BTC).

Điều 38. Nội dung chi và mức chi từ quỹ thi đua khen thưởng

1. Nội dung chi:

a) Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Thông tư số 71/2011/TT-BTC.

b) Thực hiện trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, cụ thể:

- Chi phát động các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề trong phạm vi ngành, địa phương;

- Chi tham gia, tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến trên phương tiện thông tin báo, đài;

- Chi bồi dưỡng cho các thành viên và cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng để nghiên cứu tổ chức các phong trào thi đua, nghiên cứu hồ sơ khen thưởng và nội dung chương trình công tác của Hội đồng;

- Chi tổ chức các hội nghị ký kết giao ước thi đua và họp xét thi đua của cụm, khối thi đua; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua yêu nước của tỉnh, huyện; tham dự hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua của cụm, khối thi đua; tham dự hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước toàn quốc;

- Chi đi công tác trình khen thưởng thành tích cấp Nhà nước;

- Chi công tác kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về chính sách khen thưởng ở ngành, địa phương, đơn vị cơ sở;

- Chi đi học tập kinh nghiệm các điển hình tiên tiến, nhân tố mới các huyện, thành phố trong tỉnh và các tỉnh trong cả nước;

- Đi trao thưởng các hình thức khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước ở cơ sở;

- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

2. Mức chi tiền thưởng: Thực hiện theo quy định từ Điều 70 đến Điều 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

- Đối với các trường hợp được khen thưởng đột xuất: Tùy theo thành tích, phạm vi, tác dụng nêu gương và khả năng quỹ khen thưởng để khen thưởng thích đáng cho từng trường hợp nhưng tối đa không quá ba lần mức thưởng quy định. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Đối với tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài; người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có thể có giá trị cao hơn do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các nhà từ thiện, tổ chức, cá nhân đã đóng góp hỗ trợ cho tỉnh không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

Điều 39. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan Thi đua- Khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ, mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch và quyết toán theo quy định hiện hành.

- Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh được quản lý tại Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

- Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị do Thủ trưởng sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

- Đối với các tập thể, cá nhân được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng: Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm chi từ nguồn Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

- Đối với các tập thể, cá nhân được Thủ trưởng các sở, ban, ngành quyết định khen thưởng khi tổng kết năm: Các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập trong kinh phí được giao tự chủ đối với đơn vị thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và trong kinh phí chi thường xuyên đối với đơn vị thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ.

- Đối với các tập thể, cá nhân được Thủ trưởng các sở, ban, ngành tặng Giấy khen trong các phong trào thi đua (chuyên đề hoặc theo đợt) trên phạm vi toàn

tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các sở, ban, ngành, đoàn thể có tổ chức phong trào thi đua với mục tiêu, đối tượng, chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể; có thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả, xét chọn khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào thi đua. Trước ngày 15 tháng 08 hàng năm, các sở, ban, ngành, đoàn thể phải đăng ký kế hoạch chi khen thưởng của năm sau gửi cho Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh. Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm thẩm định kế hoạch kinh phí của các sở, ban, ngành, đoàn thể gửi Sở Tài chính tổng hợp để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cùng với dự toán chi ngân sách hàng năm.

3. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Trong cùng một thời điểm một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

Trong cùng thời điểm một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, hàng năm phải báo cáo quyết toán tình hình sử dụng quỹ theo quy định hiện hành.

Chương VIII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 40. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trưởng khối, cụm thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua theo các giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 41. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

Điều 42. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên có thẩm quyền quyết định khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 80, 81 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định khen thưởng thực hiện theo Điều 25 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

2. Cá nhân được tặng thưởng Danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật, bị tòa án xét xử bằng hình thức tù phạt tù nhưng cho hưởng án treo trở lên và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì bị tước danh hiệu. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 84 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Điều 26 Thông tư 07/2014/TT-BNV.

Điều 43. Khiếu nại tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng, tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương IX

HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 44. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp

1. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc.

Điều 45. Cơ cấu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh:

a) Thành phần Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND tỉnh;

- Phó Chủ tịch Hội đồng: 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Giám đốc Sở Nội vụ - Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh;

- Các thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các cơ quan: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối cơ quan; Đảng ủy Khối doanh nghiệp; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh.

b) Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

a) Thành phần Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

- Hội đồng có từ 7-11 thành viên (trong đó có từ 1-2 Phó Chủ tịch), là lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và một số phòng, ban chức năng chuyên môn thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; đại diện các tổ chức đoàn thể. Thành phần cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể là văn phòng hoặc phòng hành chính.

3. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng huyện, thành phố:

a) Thành phần Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND huyện, thành phố;

- Hội đồng có từ 13-15 thành viên (trong đó có từ 2-3 Phó Chủ tịch), là lãnh đạo một số phòng, ban chức năng chuyên môn thuộc huyện, thành phố; đại diện các tổ chức đoàn thể. Thành phần cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng huyện, thành phố.

4. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng doanh nghiệp:

a) Thành phần Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc, Tổng Giám đốc doanh nghiệp;

- Hội đồng có từ 7-11 thành viên (trong đó có từ 1-2 Phó Chủ tịch), là lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc và đại diện các tổ chức đoàn thể của doanh nghiệp. Thành phần cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Chương X **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 46. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Giám đốc doanh nghiệp căn cứ Quy chế này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với ngành, địa phương, cơ quan đơn vị mình. Ngoài các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và các nội dung thi đua, hình thức khen thưởng trong Quy chế này, Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, địa phương, doanh nghiệp có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của bộ, ngành, đoàn thể trung ương và vận dụng Quy chế này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng nhân điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này.

4. Quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các ngành, các địa phương, các đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi kịp thời. / *Nieu*

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trình